TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM THUẬN BẮC** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24/5/2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thu Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Hoàng Nhiên
2. Ông Nguyễn Thanh Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Hiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 04/2023/TLST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2023, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa số 35/2023/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị M, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Thôn 1, xã H, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Thôn 1, xã H, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Phạm Thị M trình bày: Bà Phạm Thị M và ông Nguyễn Văn T tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn ngày 13/9/1982 tại Ủy ban nhân dân xã Hàm Đức, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn do

bất đồng quan điểm sống và từ đó đã không còn sống chung với nhau, không còn quan tâm, chăm sóc nhau và thực hiện nghĩa vụ vợ chồng với nhau.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng với ông T không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T: Quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông T đều vắng mặt không có lý do. Không có văn bản thể hiện ý kiến của ông T về yêu cầu khởi kiện của bà M. Vì vậy, vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án đưa vụ án ra xét xử công khai theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị M vắng mặt do có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Văn T vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện hàm Thuận Bắc phát biểu ý kiến:

Về tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng, bị đơn không thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền:

Nguyên đơn bà Phạm Thị M khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Văn T. Bị đơn có địa chỉ và sinh sống ở thôn 1, xã Hàm Đức, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "Tranh chấp ly hôn", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Nguyên đơn bà Phạm Thị M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định của pháp luật tại Điều 227, 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị M và ông Nguyễn Văn T tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn ngày 13/9/1982 tại Ủy ban nhân dân xã Hàm Đức, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận nên quan hệ hôn nhân của hai đương sự là hợp pháp theo quy định tại Điều 8, khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Theo bà M, sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và từ đó đã không còn sống chung với nhau, không còn quan tâm, chăm sóc nhau và thực hiện nghĩa vụ vợ chồng với nhau. Hiện nay, mỗi người có cuộc sống riêng, không còn liên lạc với nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhằm tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ với nhau nhưng ông T vắng mặt chứng tỏ ông T không có thiện chí muốn hàn gắn mối quan hệ vợ chồng với bà M.

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, tôn trọng, chung thủy, quan tâm, chăm sóc nhau. Nhưng giữa bà M và ông T không thực hiện được nghĩa vụ vợ chồng với nhau, không còn quan tâm, chăm sóc nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho bà M ly hôn với ông T là phù hợp với thực tế và đúng qui định của pháp luật.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về án phí: Bà M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Ông T không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc đối với việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

– Khoản 2 Điều 21, Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 70, Điều 143, Điều 144, Điều 145, Điều 146, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

– Điều 8, khoản 1 Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

– Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị M:

Về hôn nhân: Bà Phạm Thị M được ly hôn ông Nguyễn Văn T.

Về án phí:

Bà Phạm Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0014331 ngày 04 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận. Bà Phạm Thị M đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bà Phạm Thị M và ông Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Những người tham gia tố tụng;
- VKS nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc;
- Cơ quan THADS huyện Hàm Thuận Bắc;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Trần Thu Thúy